

Số: 251/QĐ-UBND

Lâm Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho hộ gia đình, cá nhân tại địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ - CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch phân 3 loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 1326/HĐLS-NN-TC-KH ngày 27/9/2012 của liên Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện Văn bản số 1527/UBND-NLN ngày 15/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao rừng trồng thuộc Chương trình 327 và Dự án 661 đã qui hoạch lại là rừng sản xuất năm 2010;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 519/TTr-TNMT ngày 04/12/2018 về việc đề nghị phê duyệt Phương án giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gắn với giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, cụ thể như sau:

### **1. Mục đích**

- Giao rừng trồng sản xuất gắn với giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp, huy động mọi nguồn lực tại chỗ sử dụng có hiệu quả rừng và đất rừng; đồng thời bảo vệ phát triển tài nguyên rừng, môi trường sinh thái, đảm bảo lợi ích thiết thực cho người dân.

- Xây dựng Phương án giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho hộ gia đình, cá nhân nhằm xác lập quyền sử dụng rừng và đất lâm nghiệp; làm cơ sở pháp lý để hộ gia đình, cá nhân xây dựng kế hoạch quản lý rừng và xác định quyền lợi, nghĩa vụ khi Nhà nước giao rừng và giao đất lâm nghiệp phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước trong điều kiện hiện nay.

**2. Mục tiêu:** Giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn có nhu cầu, khả năng sử dụng rừng và đất lâm nghiệp để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, góp phần nâng cao đời sống nhân dân địa phương, ổn định chính trị-xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

### 3. Yêu cầu

- Phương án giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can được thực hiện trên cơ sở những quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của tỉnh.

- Công tác giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất sau điều chỉnh phân 3 loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can được căn cứ trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp và nhu cầu xin giao đất, thuê đất của các chủ sử dụng đất rừng thôn; việc giao rừng trồng phải đảm bảo đúng đối tượng, dân chủ, công khai và đảm bảo ổn định trong nhân dân.

### 4. Nội dung của Phương án

Tổng diện tích đất lâm nghiệp dự kiến giao: 75,40 ha, trong đó:

4.1. Diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện giao là: 28,49 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp có rừng: 6,90 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp không có rừng: 21,59 ha.

4.2. Số hộ nhận đất, nhận rừng: 23 hộ/31 lô.

#### 4.2.1. Thôn Nặm Chá

- Số hộ xin giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp là 06 hộ/06 lô (thửa); tổng diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện giao là 2,559 ha, trong đó:

+ Diện tích giao đất lâm nghiệp có rừng: 2,200 ha.

+ Diện tích giao đất lâm nghiệp không có rừng: 0,359 ha.

- Nguồn gốc đất để đưa vào phương án giao rừng gắn với giao đất: Có 06 lô (thửa) hiện do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý, không đủ điều kiện giao đất.

#### 4.2.2. Thôn Nặm Đíp

- Số hộ xin giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp là 01 hộ/01 lô (thửa); tổng diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện giao 0,738 ha; trong đó:

+ Diện tích giao đất lâm nghiệp có rừng: 00 ha.

+ Diện tích giao đất lâm nghiệp không có rừng: 0,738 ha.

- Nguồn gốc đất để đưa vào phương án giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp: Có 01 lô (thửa) hiện do UBND xã Lăng Can quản lý.

#### 4.2.3. Thôn Nà Khà

- Số hộ xin giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp là 01 hộ/02 lô (thửa): tổng diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện giao là 3,58 ha, trong đó:

- + Diện tích giao đất lâm nghiệp có rừng: 3,50 ha.
- + Diện tích giao đất lâm nghiệp không có rừng: 0,08 ha.
- Nguồn gốc đất để đưa vào phương án giao rừng gắn với giao đất: Có 02 lô (thửa) hiện do UBND xã Lăng Can quản lý.

#### **4.2.4. Thôn Đon Bả**

- Số hộ xin giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp là 20 hộ/25 lô (thửa): tổng diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện giao là 21,66 ha, trong đó:
  - + Diện tích giao đất lâm nghiệp có rừng: 1,00 ha.
  - + Diện tích giao đất lâm nghiệp không có rừng: 20,66 ha.
- Nguồn gốc đất để đưa vào phương án giao rừng gắn với giao đất: Có 25 lô (thửa) hiện do UBND xã Lăng Can quản lý.

#### **4.2.5. Thôn Phai Tre B**

- Số hộ xin giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp là 01 hộ/03 lô (thửa): tổng diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện giao là 2,51 ha, trong đó:
  - + Diện tích giao đất lâm nghiệp có rừng: 2,44 ha.
  - + Diện tích giao đất lâm nghiệp không có rừng: 0,08 ha.
- Nguồn gốc đất để đưa vào phương án giao rừng gắn với giao đất: Có 03 lô (thửa) hiện do UBND xã Lăng Can quản lý.

### **4.3. Diện tích đất lâm nghiệp không đủ điều kiện giao là: 46,92 ha.**

- Hiện trạng do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước từ năm 2010.
- Phương án: Ban Quản lý rừng phòng hộ lập phương án quy hoạch trả đất rừng sản xuất sau quy hoạch phân 3 loại rừng cho Ủy ban nhân dân xã để giao cho hộ gia đình.

### **5. Tổng chi phí đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng**

- Diện tích đất trồng rừng (theo hồ sơ thiết kế): 27,20 ha.
- Diện tích đất trồng rừng (theo thực tế): 28,49 ha, trong đó:
  - + Diện tích có rừng là: 6,90 ha.
  - + Diện tích mất rừng là: 21,59 ha.
- Tổng chi phí đã đầu tư: 205.340.237 đồng.
- Trong đó chi phí đã đầu tư cho diện tích còn rừng: 148.044.428 đồng.

### **5.1. Đối với diện tích giao hoàn trả vốn đầu tư và 20% giá trị sản phẩm**

- Diện tích trồng (theo hồ sơ thiết kế): 24,80 ha.
- Diện tích đất trồng rừng (theo thực tế): 25,64 ha, trong đó:
  - + Diện tích có rừng là: 5,90 ha.
  - + Diện tích mất rừng là: 19,74 ha.
- Tổng chi phí đầu tư: 197.614.283 đồng.
- Trong đó chi phí đầu tư tính cho diện tích còn rừng là: 144.181.451 đồng.

### **5.2. Đối với diện tích rừng đầu giá**

- Diện tích trồng (theo hồ sơ thiết kế): 2,00 ha.
- Diện tích có rừng là: 1,00 ha.
- Tổng chi phí đã đầu tư: 7.725.954 đồng.
- Trong đó chi phí đã đầu tư cho diện tích còn rừng: 3.862.977 đồng.

### **6. Kinh phí thực hiện: Ngân sách Nhà nước.**

### **7. Tiến độ thực hiện**

- Tổ chức công tác giao rừng, giao đất, hướng dẫn lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất song trong tháng 01/2019.
- Hoàn thành công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân trong tháng 02/2019.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện Quyết định giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai, về bảo vệ và phát triển rừng.
- Chủ động kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Lăng Can cập nhật hồ sơ địa chính, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện.
- Kiểm tra, nghiệm thu và xác nhận hồ sơ địa chính như: Bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai trước khi đưa vào sử dụng; kiểm tra, nghiệm thu việc nhập dữ liệu bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu địa chính. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

#### **2. Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, Ủy ban nhân dân xã Lăng Can và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác giao rừng trồng gắn với giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thuộc Chương trình 327 và Dự án 661 đã quy hoạch lại là rừng sản xuất.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã Lăng Can xây dựng Đề án, kế hoạch thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, đề xuất kịp thời các giải pháp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

- Đảm bảo chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong các hoạt động giao rừng, gắn với giao đất tại địa phương; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết tranh chấp rừng.

**3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện:** Chủ trì phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ địa chính và kỹ thuật về viết giấy chứng nhận. Tổ chức lập bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai trước khi đưa vào sử dụng, nhập dữ liệu bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu địa chính thực hiện quản lý hồ sơ địa chính theo quy định.

#### **4. Hạt Kiểm lâm huyện**

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lăng Can tiến hành giao đất, xác định cắm mốc, khoanh lô đất rừng đủ điều kiện giao và tiến hành giao rừng đối với trường hợp chỉ giao rừng không giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tham mưu tổ chức thực hiện phương án đấu giá rừng đã đến tuổi thành thực công nghệ.

- Chủ trì xây dựng phương án xử lý tài chính đối với diện tích mất rừng để hoàn trả vốn ngân sách nhà nước trước khi phê duyệt giao đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp đến các chủ sử dụng đất; kịp thời giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

**5. Phòng Tài chính-Kế hoạch:** Hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện xây dựng phương án và tổ chức đấu giá rừng.

#### **6. Ủy ban nhân dân xã Lăng Can**

- Thành lập Hội đồng và Tổ công tác giao rừng gắn liền với đất lâm nghiệp của xã.

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương giao đất, giao rừng, cấp Giấy chứng nhận đất lâm nghiệp đến các chủ sử dụng đất tại xã.

- Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Tổ chức thực hiện phương án giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp của xã sau khi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án.

7. Các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu xin giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp: Lập đơn xin giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và đơn vị thi công giao đất tại thực địa và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo công bằng và đoàn kết ổn định trong cộng đồng dân cư. Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính-Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lăng Can và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ng*

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3; (thi hành)
- Chánh, Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện; (đăng tải)
- Lưu: VT, CV<sub>(P)</sub>. *lc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Hải



**BIỂU 1: DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC GIAO RỪNG GẦN VỚI GIAO ĐẤT,  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÀM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LÃNG CÁN, HUYỆN LÂM BÌNH**

*Kèm theo Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình*

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính			Theo hồ sơ thiết kế			Theo BD 03 loại rừng		Diện tích				Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất
			Tờ BD	Số thửa trên BD 672	Số thửa trên BD giao đất	Khánh	Lô	Khánh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế	D.T còn rừng (ha)	D.T đất trồng (ha)				
	<b>I</b>	<b>THÔN ĐON BÀ</b>															
1	1	Nguyễn Văn Hán	1	243	817	107	3a1	379A	11+18	2,00	2,110	1,000	1,110	Quế lát	1996	UBND xã quản lý và thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1996	
2	2	Nguyễn Văn Núi	1	176+193	818	107	1a4	366A2	25+29+30	1,00	0,970	0,000	0,970	Quế lát	1996		
3	3	Triệu quý Chu	1	64	823	98	5a17	378	9	0,90	0,652	0,000	0,652	Quế lát	1996		
4	4	Triệu Thị Tá	1	64	824	98	5a20	378	9	0,50	0,630	0,000	0,630	Quế lát	1996		
5	5	Triệu Sáng Vinh (Chên)	1	64	825	98	5a13	378	1+3+9	0,50	0,700	0,000	0,700	Quế lát	1996		
6	6	Triệu Văn Cản	1	64	826	98	5a13	378	1+3+9	1,00	1,057	0,000	1,057	Quế lát	1996		
7	7	Triệu Văn Xuân	1	64	827	98	5a8	378	1+3	2,50	2,590	0,000	2,590	Quế lát	1996		
8	8	Triệu Đức Văn	1	64	828	98	5a6	378	1	0,50	0,600	0,000	0,600	Quế lát	1996		
9	9	Triệu Văn Ngân	1	64	829	98	5a3	378	1+3	0,60	0,860	0,000	0,860	Quế lát	1996		
10	9	Triệu Văn Ngân	1	64	830	98	5a2-3	378	1+3	0,40	0,453	0,000	0,453	Quế lát	1997		
11	10	Triệu Văn Minh	1	64	831	98	5a12	378	3+9	0,50	0,500	0,000	0,500	Quế lát	1996		
12	11	Triệu Hữu Chu	1	64	832	98	5a11	378	1+3+9	0,70	0,659	0,000	0,659	Quế lát	1996		

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính			Theo hồ sơ thiết kế		Theo BD 03 loại rừng		Diện tích				Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất
			Tờ BD	Số thửa trên BD 672	Số thửa trên BD giao đất	Khoảnh	Lô	Khoảnh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế	D.T còn rừng (ha)	D.T đất trồng (ha)			
13	12	Triệu Trung Minh	1	64	833	98	5a10	378	1+3	1,00	1,022	0,000	1,022	Quế lát	1996	UBND xã quản lý và thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1996
14		Triệu Trung Minh	1	64	834	98	5a19-1	378	3+9	0,40	0,392	0,000	0,392	Quế lát	1997	
15	13	Triệu Trung Thọ	1	64	835	98	5a18	378	9	0,50	0,567	0,000	0,567	Quế lát	1996	
16	14	Triệu Trung Hải	1	80+83	836	98	5a6-1	378	6+7+10	0,90	1,100	0,000	1,100	Quế lát	1996	
17	15	Chúc Minh Vân	1	64	837	98	5a21	378	9	0,80	0,762	0,000	0,762	Quế lát	1996	
18	16	Triệu Tiến Ngân	1	64	838	98	5a14	378	1	1,00	0,920	0,000	0,920	Quế lát	1996	
19		Triệu Tiến Ngân	1	64	839	98	5a14-1	378	1	0,50	0,256	0,000	0,256	Quế lát	1997	
20	17	Triệu Văn Năng	1	64	840	98	5a9	378	1+3	1,50	1,920	0,000	1,920	Quế lát	1996	
21		Triệu Văn Năng	1	64	841	98	5a10-1	378	3	0,80	0,425	0,000	0,425	Quế lát	1997	
22	18	Triệu Quý Tài	1	64	842	98	5a2	378	1+3	1,00	1,050	0,000	1,050	Quế lát	1996	
23	19	Triệu Tôn Chiêu	1	64	843	98	5a16	378	3+9	0,50	0,600	0,000	0,600	Quế lát	1996	
24		Triệu Tôn Chiêu	1	64	844	98	5a2-2	378	3	0,20	0,330	0,000	0,330	Quế lát	1997	
25	20	Triệu Tôn Sênh	1	64	847	98	5a19	378	3+9	0,50	0,530	0,000	0,530	Quế lát	1996	

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính			Theo hồ sơ thiết kế		Theo BD 03 loại rừng		Diện tích				Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất
			Tờ BD	Số thửa trên BD 672	Số thửa trên BD giao đất	Khoảnh	Lô	Khoảnh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế	D.T còn rừng (ha)	D.T đất trồng (ha)			
	<b>III</b>	<b>THÔN NÀ KHÀ</b>														
1	1	Nguyễn Thành Khánh	1	92	852	321A	26a	321A	52	2,10	2,180	2,100	0,080	Mỡ	2010	UBND xã quản lý và thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010
2		Nguyễn Thành Khánh	1	92	853	321A	28a	321A	49+52	1,50	1,400	1,400	0,000	Mỡ	2010	
	<b>IV</b>	<b>THÔN NẬM ĐÍP:</b>								<b>0,40</b>	<b>0,738</b>	<b>0,000</b>	<b>0,738</b>			
1	1	Quan Văn Tâm	1	91	854	321A	28a	321A	54	0,40	0,738	0,000	0,738	Lát	2012	UBND xã quản lý và thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010
	<b>V</b>	<b>THÔN PHAI TRÈ B:</b>								<b>2,50</b>	<b>2,51</b>	<b>2,40</b>	<b>0,11</b>			
1		Bản Xuân Tiến	1	530	855	410	14a	410B1	20+22	0,80	0,835	0,800	0,0350	Mỡ	2010	UBND xã quản lý và thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010
2	1	Bản Xuân Tiến	1	539	856	410	11a	410B1	24	0,80	0,835	0,800	0,0350	Mỡ	2010	
3		Bản Xuân Tiến	1	560	857	410	10a	410B1	19+23	0,90	0,842	0,800	0,0420	Mỡ	2010	
<b>Tổng cộng:</b>										<b>27,20</b>	<b>28,49</b>	<b>6,90</b>	<b>21,59</b>			



**BIỂU 2: DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC GIAO RỪNG GẦN VỚI GIAO ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LÃNG CÁN, HUYỆN LÂM BÌNH**

*Kèm theo Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình*

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính		Theo hồ sơ thiết kế	Theo BD 03 loại rừng		Diện tích				Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất	Đề xuất xử lý	
			Tờ BD	Số thửa trên BD		Số thửa trên BD giao đất	Khốanh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế	D.T còn rừng (ha)					D.T đất trồng (ha)
	<b>1</b>	<b>THÔN DON BÀ</b>								<b>47,60</b>	<b>44,36</b>	<b>0,00</b>	<b>44,36</b>			
1	1	Nguyễn Thị Hạnh	1	98; 144	107	1a1	366A2	6; 9; 10		3,30	2,610	0,000	2,610	1996	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1996	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD
2	2	Nguyễn Văn Điền	1	144; 166	107	1a3	366A2	10; 16; 17; 21		2,20	2,530	0,000	2,530	1996	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1996	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD
3	3	Nguyễn Văn Dòn	1	144	107	1a2	366A2	9; 10		2,10	2,160	0,000	2,160	1996	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1996	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD
4	3	Nguyễn Văn Dòn	1	82	98	1b	366	9; 10; 12		3,00	1,692	0,000	1,692	1997	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính			Theo hồ sơ thiết kế		Theo BĐ 03 loại rừng			Diện tích				Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất	Đề xuất xử lý
			Tờ BĐ	Số thửa trên BĐ 672	Số thửa trên BĐ giao đất	Khoảnh	Lô	Khoảnh	Lô	Khoảnh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế	D.T còn rừng (ha)				
5	4	Nguyễn Văn Cửu	1	48		98	21h	366	5; 6; 8	1,80	1,500	0,000	1,500	Quế lát	1997	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
6	5	Nguyễn Văn Lương	1	64		98	16a	366	9; 10; 12	3,70	3,109	0,000	3,109	Quế lát	1997	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
7	6	Nguyễn Văn Diệp	1	48		98	24g	366	6; 8	3,10	1,823	0,000	1,823	Quế lát	1997	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
8	7	Nguyễn Văn Nhún	1	87		98	21c	366	11; 14	2,70	2,610	0,000	2,610	Quế lát	1997	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
9	8	Nguyễn Văn Tháng	1	87		98	21e	366	11	3,70	3,661	0,000	3,661	Quế lát	1997	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
10	9	Triệu Đức Kim	1	64		98	5a1	378B	9	1,40	1,137	0,000	1,14	Quế lát	1996	Rừng phòng hộ	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất	

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính		Theo hồ sơ thiết kế	Theo BD 03 loại rừng		Diện tích		Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất	Đề xuất xử lý
			Số thửa trên BD 672	Số thửa trên BD giao đất		Khoảnh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế				
11	10	Phùng Vĩnh Chu	1	64	98	5a5; 5a7	378B	9	2,20	2,056	0,000	2,06	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
12		Nguyễn Văn Huy	1	98	98	21a	366A1	7; 8; 11	2,60	2,700	0,000	2,70	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
13		Nguyễn Văn Huy	1	98	98	21b	366A1	2; 7; 8	4,50	5,000	0,000	5,00	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
14	11	Nguyễn Văn Huy	1	98	98	21d	366A1	2	4,00	4,300	0,000	4,30	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
15		Nguyễn Văn Huy	1	48+87	98	21d	366	6; 8; 11	4,50	4,358	0,000	4,358	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 1997
16	12	Triệu Đức Văn	1	64	98	5a4-1	378B	9	0,50	0,500	0,000	0,50	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
17	13	Triệu Phúc Phẩm	1	64	98	5a2-3	378B	9	0,30	0,330	0,000	0,33	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
18	14	Triệu Văn Phẫu (Hung)	1	64	98	5a4	378B	15	2,00	2,280	0,000	2,28	Điều chỉnh QH về rừng sản xuất
	II	<b>THÔN NĂM CHÁ:</b>							<b>2,20</b>	<b>2,56</b>	<b>2,20</b>	<b>0,36</b>	
1	1	Đặng Thị Nhảy	3	141; 148	447	20a	447	57; 58; 60	0,30	0,390	0,300	0,090	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010
2	2	Triệu Thị Thịnh	3	141; 171	447	20a	447	57; 60; 70	0,30	0,396	0,300	0,096	BQL rừng phòng hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010

STT thửa đất	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Theo Bản đồ địa chính			Theo hồ sơ thiết kế		Theo BD 03 loại rừng		Diện tích				Loại cây trồng	Năm trồng	Nguồn gốc sử dụng đất	Đề xuất xử lý
			Tờ BD	Số thửa trên BD 672	Số thửa trên BD giao đất	Khoảnh	Lô	Khoảnh	Lô	Theo hồ sơ TK	Theo đo thực tế	D.T còn rừng (ha)	D.T đất trồng (ha)				
3	3	Hoàng Xuân Bảo	3	141; 148		447	20a	447	57+58	0,60	0,647	0,600	0,047	2010	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
4	4	Triệu Văn Chu	3	194; 170		447	25a	447	61; 73	0,40	0,468	0,400	0,068	2010	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
5	5	Triệu Thị Nhựt	3	170		447	25a	447	67; 76	0,30	0,330	0,300	0,030	2010	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
6	6	Triệu Hữu Thanh	3	194; 170		447	25a	447	73; 75	0,30	0,328	0,300	0,028	2010	BQL rừng phòng hộ hộ quản lý, thực hiện trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách NN từ năm 2010	BQL rừng phòng hộ lập phương án QH trả đất rừng SX sau QH 3LR cho UBND xã để giao cho HGD	
		<b>Cộng tổng:</b>								<b>49,80</b>	<b>46,92</b>	<b>2,20</b>	<b>44,72</b>				